

Tiền Giang, ngày 22 tháng 04 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Công cụ, dụng cụ thí nghiệm năm 2024

Kính gửi: Các nhà sản xuất và cung cấp

Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá cho hàng hóa làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp Công cụ, dụng cụ thí nghiệm năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Võ Minh Thắng

- Chức vụ: Nhân viên

- Số điện thoại: 0382875797

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá qua một trong hai cách thức sau:

- Bảng báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm - số 107 Lê Lợi, phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Nhận qua Email: kiemnghiemtiengiang@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá

- Từ 08 giờ 00 ngày 22 tháng 04 năm 2024 đến trước 16 giờ 00 ngày 03 tháng 05 năm 2024

- Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá:

- Bảng báo giá phải có hiệu lực kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Bình lắng gạn 125ml	Thể tích: 125ml; Có chia vạch thể tích; Chất liệu thủy tinh, khóa nhựa; Cỡ cổ 29/32, cổ mài, gồm nút PE	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
2	Bình lắng gạn 250ml	Thể tích: 250ml; Có chia vạch thể tích; Chất liệu thủy tinh, khóa nhựa; Cỡ cổ 29/32, cổ mài, gồm nút PE	01	Cái
3	Bình nón 250ml	Thể tích 250ml; Cổ mài, cỡ cổ 29/32; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
4	Bình nón 500ml	Thể tích 500ml; Cổ mài, cỡ cổ 29/32; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
5	Bình triển khai 10x10	Kích thước phù hợp với bản mỏng dài 10 cm x 10 cm; Chất liệu thủy tinh kháng hóa chất; Đáy gờ; Bao gồm nắp	01	Cái
6	Bộ phun thuốc thử	Bình tam giác 100ml chất liệu thủy tinh kháng hóa chất với đầu phun bản mỏng và quả bóp cao su đi kèm	01	Cái
7	Chai đựng hóa chất 250ml	Thể tích 250ml; Chất liệu thủy tinh kháng hóa chất; Bao gồm nút	01	Cái
8	Chai đựng hóa chất 500ml	Thể tích 500ml; Chất liệu thủy tinh kháng hóa chất; Bao gồm nút	01	Cái
9	Chén cân (50 x 50)	Dung tích: 50 ml; Chất liệu thủy tinh kháng hóa chất; Bao gồm nắp	01	Cái
10	Cốc có mỏ 25ml	Thể tích: 25ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
11	Cốc có mỏ 30ml	Thể tích: 30ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
12	Cốc có mỏ 50ml	Thể tích: 50ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
13	Đũa thủy tinh	Kích thước: dài 25 cm; Chất liệu thủy tinh	01	Cái
14	Kẹp ống nghiệm	Chất liệu inox	01	Cái
15	Kính bảo hộ	Chất liệu nhựa kháng hóa chất	01	Cái
16	Muỗng lấy hóa chất bằng inox	Muỗng lấy hóa chất 1 đầu bằng inox 300 mm	01	Cái
17	Ống đong 1000ml	Thể tích: 1000 ± 5,0ml tại 20 °C; Vạch chia nhỏ nhất 10ml; Cấp chính xác A; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
18	Ống đong 100ml	Thể tích: 100 ± 0,5ml tại 20 °C; Vạch chia nhỏ nhất 1ml; Cấp chính xác A; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
19	Ống đong 25ml	Thể tích: 25 ± 0,25ml tại 20 °C; Vạch chia nhỏ nhất 0,5ml; Cấp chính xác A; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
20	Ống đong 50ml	Thể tích: 50 ± 0,5ml tại 20 °C; Vạch chia nhỏ nhất 1ml; Cấp chính xác A; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
21	Ống mao quản 10µl	Thể tích: 10µl	01	Ống 100 cái
22	Ống mao quản 2µl	Thể tích: 2µl	01	Ống 100 cái
23	Ống mao quản 5µl	Thể tích: 5µl	01	Ống 100 cái
24	Phễu thủy tinh	Đường kính 7,5cm; Chất liệu thủy tinh	01	Cái
25	Pipet pasteur nhựa 3 ml	Thể tích 3ml; Chất liệu nhựa PP, dài 150 mm; Chia vạch 0,5 ml	01	Cái
26	Bình tia nhựa	Thể tích: 500ml; Chất liệu nhựa LDPE; Gồm vòi và nắp vặn	01	Cái
27	Bộ cối chày	Kích thước: đường kính 105x64mm, thể tích 220ml; Chất liệu cối, chày bằng sứ, bề mặt nhám, cối có mỏ	01	Cái
28	Cọ rửa ống nghiệm lớn	Chổi rửa cước mềm 30 cm, đường kính lông 2,8 cm	01	Cái
29	Cốc có mỏ 1000 ml	Thể tích: 1000ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
30	Cốc có mỏ 100ml	Thể tích: 100ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
31	Cốc có mỏ 250ml	Thể tích: 250ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
32	Cốc có mỏ 600ml	Thể tích: 600ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
33	Bình định mức 10	Thể tích: 10 ml ± 0,025 ml tại 20 °C; Cỡ cổ:	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
	ml	7/16; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm		
34	Bình định mức 100 ml	Thể tích: 100 ml ± 0,1 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 12/21; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
35	Bình định mức 1000 ml	Thể tích: 1000 ml ± 0,400 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 24/29; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
36	Bình định mức 20 ml	Thể tích: 20 ml ± 0,04 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 10/19; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
37	Bình định mức 200 ml	Thể tích: 200 ml ± 0,15 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 14/23; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
38	Bình định mức 2000 ml	Thể tích: 2000 ml ± 0,6 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 29/32; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
39	Bình định mức 25 ml	Thể tích: 25 ml ± 0,04 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 10/19; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
40	Bình định mức 250 ml	Thể tích: 250 ml ± 0,15 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 14/23; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
41	Bình định mức 5 ml	Thể tích: 5 ml ± 0,025 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 7/16; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại “A”; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
42	Bình định mức 50 ml	Thể tích: 50 ml \pm 0,06 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 12/21; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại "A"; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
43	Bình định mức 500 ml	Thể tích: 500 ml \pm 0,25 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 19/26; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại "A"; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất, kháng hóa chất; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
44	Bình định mức màu 250 ml	Thể tích: 250 ml \pm 0,15 ml tại 20 °C; Cỡ cổ: 14/23; Tiêu chuẩn DIN/ISO Loại "A"; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất màu nâu; Bao gồm nút nhựa PE, chứng nhận đi kèm	01	Cái
45	Ca nhựa có quai, vạch xanh 1000 ml	Thể tích: 1000 ml; Chất liệu nhựa chịu hóa chất; Thiết kế có quai, vạch chia màu xanh	01	Cái
46	Ca nhựa có quai, vạch xanh 2000 ml	Thể tích: 2000 ml; Chất liệu nhựa chịu hóa chất; Thiết kế có quai, vạch chia màu xanh	01	Cái
47	Ca nhựa có quai, vạch xanh 3000 ml	Thể tích: 3000 ml; Chất liệu nhựa chịu hóa chất; Thiết kế có quai, vạch chia màu xanh	01	Cái
48	Ca nhựa có quai, vạch xanh 5000 ml	Thể tích: 5000 ml; Chất liệu nhựa chịu hóa chất; Thiết kế có quai, vạch chia màu xanh	01	Cái
49	Cốc cân 50x50	Dung tích: 50 ml; Chất liệu thủy tinh kháng hóa chất; Bao gồm nắp	01	Cái
50	Cốc có mỏ cao thành 50 ml	Thể tích 50 ml; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất	01	Cái
51	Cuvet thạch anh	Chất liệu: Thạch anh; độ dài truyền quang: 1cm	01	Cái
52	Pipet thủy tinh 2 vạch 1 ml	Thể tích: 1 ml \pm 0,008 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
53	Pipet thủy tinh 2 vạch 10 ml	Thể tích: 10 ml \pm 0,02 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		nhận đi kèm		
54	Pipet thủy tinh 2 vạch 15 ml	Thể tích: 15 ml \pm 0,03 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
55	Pipet thủy tinh 2 vạch 2 ml	Thể tích: 2 ml \pm 0,010 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
56	Pipet thủy tinh 2 vạch 20 ml	Thể tích: 20 ml \pm 0,03 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
57	Pipet thủy tinh 2 vạch 25 ml	Thể tích: 25 ml \pm 0,03 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
58	Pipet thủy tinh 2 vạch 3 ml	Thể tích: 3 ml \pm 0,010 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
59	Pipet thủy tinh 2 vạch 5 ml	Thể tích: 5 ml \pm 0,015 ml tại 20 °C; Cấp chính xác "AS", 2 vạch; Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt, kháng hóa chất; Bao gồm chứng nhận đi kèm	01	Cái
60	Quả bóp cao su 3 van	Thiết kế: 3 van; Chất liệu cao su kháng hóa chất; Thể tích: 25ml	01	Cái
61	Chai trung tính nắp vặn 1000 ml	Thể tích: 1000 ml; Chất liệu thủy tinh trung tính chịu nhiệt, kháng hóa chất; Có chia vạch; Bao gồm nắp vặn xanh nhựa PP và vòng đệm PP đồng bộ; Hấp tiệt trùng được cả chai, nắp và vòng đệm (140 oC)	01	Cái
62	Chai trung tính nắp vặn 500ml	Thể tích: 500 ml; Chất liệu thủy tinh trung tính chịu nhiệt, kháng hóa chất; Có chia vạch; Bao gồm nắp vặn xanh nhựa PP và vòng đệm PP đồng bộ; Hấp tiệt trùng được	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		cả chai, nắp và vòng đệm (140 oC)		
63	Chai trung tính nắp vặn 100ml	Thể tích: 100 ml; Chất liệu thủy tinh trung tính chịu nhiệt, kháng hóa chất; Có chia vạch; Bao gồm nắp vặn xanh nhựa PP và vòng đệm PP đồng bộ; Hấp tiệt trùng được cả chai, nắp và vòng đệm (140 oC)	01	Cái
64	Chai trung tính nắp vặn 250ml	Thể tích: 250 ml; Chất liệu thủy tinh trung tính chịu nhiệt, kháng hóa chất; Có chia vạch; Bao gồm nắp vặn xanh nhựa PP và vòng đệm PP đồng bộ; Hấp tiệt trùng được cả chai, nắp và vòng đệm (140 oC)	01	Cái
65	Cọ rửa ống nghiệm nhỏ	Chổi rửa cước mềm 20 cm, đường kính lông 1,2 cm	01	Cái
66	Cọ rửa ống nghiệm vừa	Chổi rửa cước mềm 20 cm, đường kính lông 2 cm	01	Cái
67	Hộp Petri 10 x 2,0 cm	Kích thước: đường kính x chiều cao = 100 x 20 mm Chất liệu thủy tinh Borosilicate chịu nhiệt.	01	Cái
68	Muỗng xúc hóa chất	Chất liệu: inox; Gồm 2 đầu muỗng; Dài 300 mm	01	Cái
69	Ống nghiệm thủy tinh, nắp vặn, phi 16 x 100 mm.	Chất liệu thủy tinh, nắp vặn nhựa PP trắng, có đĩa đệm TPE, mark chịu nhiệt, phi 16 x 100 mm.	01	Cái
70	Ống nghiệm thủy tinh, nắp vặn, phi 20 x 200 mm.	Chất liệu thủy tinh, nắp vặn nhựa PP đen, có đĩa đệm TPE, mark chịu nhiệt, phi 20 x 200 mm.	01	Cái

Công ty vui lòng cung cấp báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được giao tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm - số 107 Lê Lợi, phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 01 tháng kể từ hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các khoản điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng thanh toán.

5. Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế, lệ phí, và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí ủy thác xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ (nếu có)...

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website trung tâm;
- Lưu: VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC

Phụ lục
BÁO GIÁ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số.....ngày của Trung tâm kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá hàng hóa:

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Bơm kim tiêm 3ml									
2	Bình định mức 100ml									
n	...									

2. Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.

- Những thông tin yêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.